

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 617/2019/HC-PT

Ngày: 04-7-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong
lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp
bồi thường, hỗ trợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Đỗ Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 39/2018/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2375/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4754/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Hồng K

Trú tại: Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đào Thị S trú tại Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy

quyền theo Văn bản ủy quyền số công chứng 10858 lập ngày 19/8/2014 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B, địa chỉ 06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Phạm Ngọc P – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B, địa chỉ 06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị S – Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Hồng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Phạm Hồng K có bà Đào Thị S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên, Ủy ban nhân dân quận B đã thu hồi của ông Phạm Hồng K phần đất có diện tích 70m² thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 29 (thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 01 theo tài liệu 299/TTg), Phường 22, quận B. Đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Đường chuyển nhượng cho ông Phạm Hồng K vào ngày 08/4/1990 bằng giấy tay. Năm 1999, ông K kê khai nhà đất và sử dụng cho đến nay.

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận B thu hồi phần đất trên của ông Phạm Hồng K nhưng không lập thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, không bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định pháp luật.

Sau khi ông K gửi đơn đề nghị được bồi thường đến Ủy ban nhân dân quận B, Ủy ban nhân dân quận B có Văn bản số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 với nội dung vị trí khu đất ông K đề nghị được bồi thường là rạch, đất công do Nhà nước quản lý, ông Đường đã san lấp, đã bị xử phạt hành chính nên không có cơ sở giải quyết bồi thường.

Phần đất của ông K không phải là đất rạch vì trên đất có sổ thửa, ông K đã kê khai vào năm 1999. Vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa số 12, tờ bản đồ số 29 (thửa số 94, tờ bản đồ số 01 theo tài liệu 299/TTg), Phường 22, quận B theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Về căn cứ pháp lý để thực hiện bồi thường: Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi đất để thực hiện dự án dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên tại các Phường 19, 21, 22 và Phường 25, quận B; Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 15/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên.

Về nguồn gốc pháp lý khu đất của ông K: Thửa 94 có diện tích 64.840m², loại đất: Rau tập trung (trong sổ bộ đã gạch bỏ thửa đất này), đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch.

Đối chiếu Tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch. Phần đất của ông K yêu cầu bồi thường thuộc thửa số 12, tờ bản đồ 29, bản đồ địa chính Phường 22.

Thửa đất số 94 tờ bản đồ số 01 theo Tài liệu 299/TTg là rạch Văn Thánh, đất công do Nhà nước quản lý (theo Công văn số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Qua thực tiễn quản lý thì khu đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Ông Đường đã bị xử phạt hành chính vào năm 2002 do có hành vi san lấp rạch (Quyết định số 1370/QĐ-UB ngày 07/5/2002) và bị cưỡng chế theo Quyết định số 3725/QĐ-UB ngày 03/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Như vậy, ông K không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất, không sử dụng đất từ thời điểm thực hiện dự án, theo khoản 1, 3, 5 Điều 4 Luật Đất đai thì không thuộc đối tượng bị thu hồi đất. Do đó, khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông K là đúng quy định pháp luật.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng K yêu cầu hủy Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc không chấp thuận đề nghị được bồi thường của ông Nguyễn Hồng K.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2018, bà Đào Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Hồng K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân quận B thu hồi, hủy bỏ Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 và phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Hồng K theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân quận B thu hồi, hủy bỏ Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 và phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Hồng K theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Phần đất của ông K có nguồn gốc rõ ràng, không phải là rạch hay đất công vì có biên bản xác định ranh mốc giới và căn cứ theo Công văn số 3317/UBND-PCNC ngày 04/6/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nhà, đất có số lô, số thửa không phải là rạch. Văn bản số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không thể làm căn cứ để quyết định bồi thường hay không bồi thường. Bản đồ địa hình, điều ảnh, bản đồ chập ranh theo Tài liệu 299/TTg không có giá trị vì không được ban hành kèm theo Văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Đất được ông K mua lại bằng giấy tay từ ông Nguyễn Văn Đường, những giấy tờ tay này được xem là hợp lệ, ông K có kê khai nhà đất năm 1999, có tên trên bản đồ địa chính. Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Điều 42, Điều 50 Luật Đất đai, nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì đất của ông K đủ điều kiện được bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Phạm Ngọc P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01, Phường 22 theo Tài liệu 299/TTg là rạch Văn Thánh, đất công do Nhà nước quản lý (theo Công văn số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Qua thực tiễn quản lý thì khu đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Ông Đường đã bị xử phạt hành chính vào năm 2002 do có hành vi san lấp rạch (Quyết định số 1370/QĐ-UB ngày 07/5/2002) và bị cưỡng chế theo Quyết định số 3725/QĐ-UB ngày 03/9/2009.

Như vậy, ông K không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất, không sử dụng đất từ thời điểm thực hiện dự án, theo khoản 1, 3, 5 Điều 4 Luật Đất đai thì không thuộc đối tượng bị thu hồi đất. Do đó, khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông K là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc không chấp thuận giải quyết yêu cầu được bồi thường đối với phần diện tích đất của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của đại diện người khởi kiện có nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm được Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2018 và tuyên án ngày 24/8/2018 với lý do bản án sơ thẩm không xem xét chứng cứ hợp pháp do người khởi kiện cung cấp, chấp nhận những chứng cứ không phù hợp với quy định của pháp luật do người bị kiện cung cấp và có sai sót nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là không phù hợp với quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy: Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, cụ thể là tại phần trình bày nội dung phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận B, phần nhận định và quyết định của bản án đều ghi tên người khởi kiện là Nguyễn Hồng K là xác định không đúng người khởi kiện. Tuy nhiên, vào ngày 26/6/2019 Tòa án nhân dân quận B ban hành Quyết định số 104/2019/QĐ-TA về việc sửa chữa, bổ sung bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST

ngày 24/8/2018 do trong việc đánh máy có sai sót họ của ông K là Nguyễn Hồng K, nay xin sửa chữa là Phạm Hồng K là phù hợp với quy định tại Điều 197 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Vị trí khu đất mà ông K đề nghị được bồi thường, hỗ trợ được xác định có nguồn gốc là rạch, đất công do Nhà nước quản lý, hiện trạng không có nhà ở, công trình xây dựng, ông K không thuộc đối tượng bị thu hồi đất nên không thuộc đối tượng được xem xét, hỗ trợ khi thực hiện dự án. Căn cứ các quy định của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân quận B không có cơ sở giải quyết xem xét yêu cầu của ông K và đã có Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 để phúc đáp ông K. Việc Ủy ban nhân dân quận B không chấp thuận giải quyết bồi thường theo đề nghị của ông K là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, việc ông K yêu cầu hủy bỏ Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B và yêu cầu được bồi thường đối với phần diện tích được xác định thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 1, Phường 22, quận B (theo Tài liệu 299/TTg) là không có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2005, bác yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Hồng K. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 và Quyết định số 104/2019/QĐ-TA về việc sửa chữa, bổ sung Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B do trong việc đánh máy có sai sót họ của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đào Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Hồng K làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về sự vắng mặt của các đương sự: ông Hồ Phương là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B, ông Phan Ngọc Anh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 157 và khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ Phương và ông Phan Ngọc Anh H.

Về tố tụng:

Bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B đã ghi sai họ của người khởi kiện, cụ thể tại phần trình bày nội dung phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận B, phần nhận định và quyết định của bản án trên đều ghi họ tên người khởi kiện là Nguyễn Hồng K, việc ghi sai họ của người khởi kiện là xác định không đúng người khởi kiện, vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, vào ngày 26/6/2019 Tòa án nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 104/2019/QĐ-TA về việc sửa chữa, bổ sung bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, với nội dung sửa chữa họ tên Nguyễn Hồng K thành Phạm Hồng K, việc ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án là đúng theo quy định tại Điều 197 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân quận B thu hồi, hủy bỏ Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 và phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Hồng K theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, phần đất ông Phạm Hồng K yêu cầu bồi thường có diện tích 67,9m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29 thuộc bộ bản đồ địa chính chính quy Phường 22, quận B, theo Tài liệu 299/TTg thì thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 1, Phường 22, quận B. Phần đất trên ông Phạm Hồng K nhận sang nhượng từ ông Nguyễn Văn Đường vào ngày 08/4/1990 (sang nhượng bằng giấy tay). Phần đất trên nằm trong ranh dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành- Suối Tiên theo Quyết định thu hồi số 616/QĐ-UBND ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại căn nhà không số tổ dân phố 63, Phường 22, quận B do bà Nhâm Thị Thu Hà xây dựng trái phép do Phòng Quản lý đô thị quận B lập ngày 15/10/2003 thì các hộ dân ở khu vực nêu trên cũng có ý kiến cho biết toàn bộ khu vực này có nguồn gốc là hồ Văn Thánh, trồng rau muống bè. Tại Tờ sang nhượng đất ngày 08/4/1990 có nội dung ông Nguyễn Văn Đường sang lại cho ông Phạm Hồng K 1 khu đất rau muống.

Căn cứ Sổ mục kê ruộng đất lập ngày 18/12/1984 của Ủy ban nhân dân Phường 22, quận B được Ủy ban nhân dân quận B duyệt ngày 19/12/1984 thì ông Nguyễn Văn Đường có đăng ký phần đất rau diện tích 1.500 m²/64.840m² tại thửa số 94 (theo Tài liệu 299/TTg).

Đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch. Đối chiếu Tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch.

Căn cứ Bản đồ vị trí TL 1/2000 theo Tài liệu 299/TTg và theo Bản đồ vị trí chập ranh sử dụng đất lên nền Tài liệu 299/TTg của Thủ tướng chính phủ thuộc dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh – tuyến Bến Thành Suối Tiên tại Phường 22, quận B do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 05/9/2017 thì phần đất diện tích 67.9m² thuộc thửa 12 tờ bản đồ số 29 (theo tài liệu đo năm 2002) trước đây theo Tài liệu 299/TTg là rạch.

Như vậy, từ những căn cứ trên có cơ sở xác định phần đất của ông Phạm Hồng K nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn Đường nằm hoàn toàn trên rạch Văn Thánh, nên việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 không bồi thường cho ông Phạm Hồng K đối với phần đất diện tích 67.9m² thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 29 (theo tài liệu đo năm 2002) là đúng quy định tại khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật đất đai năm 2003.

Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng K yêu cầu hủy Văn bản số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B là có căn cứ. Do vậy, người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng K, hủy Văn bản số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B và buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 29, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Hồng K theo quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, khoản 6 Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 34, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử :

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Hồng K, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 1605/2018/HC-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B (đã được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 104/2019/QĐ-TA ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân quận B)

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng K yêu cầu hủy Công văn số 585/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc trả lời đơn đề nghị được bồi thường của ông Phạm Hồng K liên quan đến dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên, quận B

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Phạm Hồng K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) được trừ vào 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AB/2014/001078 ngày 06/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Phạm Hồng K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005328 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi